

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương.
2. Bà Trần Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Thôn Nh, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Phạm Thị Hoa H – Sinh năm: 1992; Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai – Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Châu Văn S - Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: Thôn Nh, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022 và bản tự khai của chị Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa trình bày:

Chị Phạm Thị H và anh Châu Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến ngày 24/5/2010, anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú

Nhuận, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không nói chuyện được với nhau. Nhiều lần xảy ra xô xát, cãi nhau, anh S không đồng ý cho chị H đi làm xa nên phát sinh mâu thuẫn, sau đó sống ly thân từ năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Văn S.

Nguyên đơn nhất trí ý kiến đã trình bày nêu trên và không bổ sung ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 14/3/2022, anh Châu Văn S trình bày: Anh và chị Phạm Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến ngày 24/5/2010 anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H đi làm xa, không trao đổi với anh, anh không nhất trí cho đi làm nhưng chị vẫn đi, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không nói chuyện được với nhau. Từ cuối năm 2021 chị H đi làm thỉnh thoảng mới về nhà, anh không biết chị đi đâu, anh khuyên bảo và động viên chị H về nhà nhưng chị không nghe.

Đến nay chị H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn đoàn tụ gia đình nên anh không đồng ý ly hôn, trường hợp chị kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Chị H và anh S đều xác định có 02 người con chung là cháu Châu Quốc Đ - Sinh ngày: 15/11/2013 và cháu Châu Thu H - Sinh ngày: 22/3/2010, hiện tại hai cháu phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Sau đó chị H thay đổi ý kiến nhất trí để anh S nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Chị H và anh S đều có ý kiến tự thỏa thuận chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Châu Văn S xác nhận có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 50.000.000 đồng thời hạn từ tháng 9/2016 đến tháng 9/2021; Anh, chị đã trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng, anh chị đã xin gia hạn nợ và cam kết trả nợ cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh, chị không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương S tại phiên tòa. Xét thấy mâu thuẫn của các đương S trầm trọng, không thể khắc phục được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay; Về con chung: chị H và anh S có hai con chung là Châu Thu H và Châu Quốc Đ và đều đang ở cùng anh S, chị H cũng nhất trí để anh S tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân

và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Châu Văn S; Giao cháu Châu Thu H, Châu Quốc Đ cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Chị Phạm Thị H không phải chịu tiền án phí dân S sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương S theo quy định. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai các tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên các đương S không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn với anh Châu Văn S và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung khi ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Châu Văn S là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống sống không hòa thuận, hạnh phúc. Anh, chị không tìm được tiếng nói chung, không thống nhất quan điểm và đều xác nhận đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Việc anh, chị có mâu thuẫn và sống ly thân đã được địa phương xác nhận là đúng S thật. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc chị H xin ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương S theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vụ án nhưng các đương S không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh S vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân S.

[3] Về con chung: Chị H và anh S đều xác nhận, quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Châu Thu H - Sinh ngày: 22/3/2010 và Châu Quốc Đ - Sinh ngày: 15/11/2013, hiện tại hai cháu phát triển bình thường và đang sống cùng anh S.

Anh Châu Văn S có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa chị H cũng nhất trí để anh S nuôi dưỡng hai con theo nguyện vọng của các con và thuận lợi cho việc học tập vì hai cháu đang ở cùng anh S. Anh S đã cung cấp chứng cứ có xác nhận của địa phương về mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Tòa án đã có văn bản ghi ý kiến của cháu Châu Thu H và Châu Quốc Đ, các cháu đều có nguyện vọng tiếp tục ở cùng với bố là anh Châu Văn S

Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Châu Thu H và Châu Quốc Đ cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hương và cháu Đàn. Do anh S không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh S tự thỏa thuận chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H và anh S xác nhận có vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 50.000.000đồng thời hạn từ tháng 9/2016 đến tháng 9/2021; Anh, chị đã trả cho Ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng, anh chị đã xin gia hạn nợ và cam kết trả nợ cho Ngân hàng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản gửi Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai về khoản nợ của các đương S. Tuy nhiên Ngân hàng không có ý kiến đề nghị gì nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào Ngân hàng có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân S khác theo quy định.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân S; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Châu Văn S.

2. Về con chung: Xử giao cháu Châu Thu Hương - Sinh ngày: 22/3/2010 và Châu Quốc Đàn - Sinh ngày: 15/11/2013 cho anh Châu Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi; Chị Phạm Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí dân S sơ thẩm (Chị Phạm Thị H cư trú tại thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Ph;
- Đường sự (02); TGPL;
- Lưu HS, TA, VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

